

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**



TP.HCM, năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình: **TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**
FINANCE & BANKING

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Tài chính Ngân hàng**

Mã số: **7340201**

Tên gọi của văn bằng: **Cử nhân Tài chính Ngân hàng**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng. Sinh viên tốt nghiệp nắm vững kiến thức chuyên sâu, hiện đại về ngành Tài chính - Ngân hàng, có kỹ năng vận dụng các kiến thức đó vào thực tiễn nghề nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong bối cảnh hội nhập và phát triển công nghệ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên ngành Tài chính Ngân hàng sau khi tốt nghiệp phải có:

- Về kiến thức:

- + PO1: Hiểu biết về kinh tế, xã hội, môi trường, pháp luật và phát triển đất nước để phục vụ công tác chuyên môn
- + PO2: Có hiểu biết và áp dụng kiến thức ngành Tài chính Ngân hàng để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; đồng thời hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

- Về kỹ năng:

- + PO3: Có kỹ năng làm việc độc lập, giải quyết các vấn đề chuyên ngành
- + PO4: Có các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học, làm việc nhóm, giao tiếp, khởi nghiệp để thực hiện tốt các công việc chuyên môn.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- + PO5: Có thái độ đúng đắn với nghề nghiệp và xã hội, có chính kiến và có khả năng học tập suốt đời

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

- Kiến thức

PLO 1. Trình bày và giải thích được các kiến thức về xã hội, môi trường, pháp luật và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay

PLO2. Vận dụng các kiến thức kinh tế cơ bản trong việc giải thích các quan hệ và các quyết định kinh tế của các thành phần trong nền kinh tế.

PLO3. Áp dụng các khái niệm cụ thể có liên quan đến lĩnh vực Tài chính Ngân hàng để quản lý điều hành hoạt động chuyên môn

PLO4. Áp dụng kiến thức ngành Tài chính Ngân hàng để hình thành các ý tưởng, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các phương án, dự án trong lĩnh vực này

PLO5. Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

- Kỹ năng

PLO6. Phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề nghiệp vụ trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Đánh giá chất lượng công việc khi hoàn thành và kết quả thực hiện từng thành viên.

PLO7. Dẫn dắt, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và người khác

PLO8. Rèn luyện tư duy phản biện

PLO9. Giao tiếp hiệu quả, có kỹ năng truyền đạt, thuyết trình và viết báo cáo

PLO10. Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin thành thạo trong hoạt động chuyên môn.

TRU
ĐẠI
QUỐC
HỒN

- Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO11. Làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có trách nhiệm với bản thân và xã hội

PLO12. Ra quyết định chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân. Xây dựng kế hoạch điều phối các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên ngành.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 123 TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	21	0
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	76	18
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	20	3
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	15	0
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	41	15
	IV. Khối kiến thức cuối khoá	8	0
TỔNG		105	18
		123	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo

dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 94 tín chỉ (76 bắt buộc và 18 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về tài chính ngân hàng

Thực tập TN, Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/Các môn thay thế có 10 tín chỉ

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 17.5% số TC CTĐT													
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh													
1	05068	Triết học Mác- Lê nin	3	3	0	3	0	45	0	90				I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác Lê- Lê nin	2	2	0	2	0	30	0	60				II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0	60				II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0	60				III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0	60				III
II	Pháp luật – Tin học													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60				I
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60				III
III	Ngoại ngữ													
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0	90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0	90				II
IV	Giáo dục thể chất													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*	0	15	60	90				II
IV	Giáo dục quốc phòng - an ninh													

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	0	150				I
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*	0	0	90	0				III
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 TC (Bắt buộc: 76 TC; Tự chọn: 18 TC), chiếm 75.8% số TC CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 23 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 3 TC), chiếm 16.7% số TC CTĐT													
13	GE1022	Toán C	3	3	0	3	0	45	0	90				I
14	BA2004	Kinh tế vi mô	3	3	0	3	0	45	0	90				I
15	BA2005	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	3	0	45	0	90				II
16	FB2004	Kinh tế lượng	3	3	0	3	0	45	0	90				IV
17	FB1002	Xác suất thống kê	2	1	1	2	0	15	30	60				II
18	FB2013	Marketing căn bản	3	3	0	3	0	45	0	90				IV
19	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3	0	45	0	90				III
20	FB2006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	0	3	45	0	90		7		III
21	04808	Tư duy biện luận	3	3	0	0	3	45	0	90				III
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 12.5% số TC CTĐT													
22	FB2001	Nhập môn ngành Tài chính - Ngân hàng	1	1	0	1	0	15	0	30				I
23	FB2005	Luật Kinh tế	3	3	0	3	0	45	0	90				III
24	FB2009	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	1	1	2	0	15	30	60				IV
25	FB2010	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	0	45	0	90				II
26	FB2011	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0	3	0	45	0	90		22		IV
27	FB2012	Thuế	3	3	0	3	0	45	0	90		25		IV
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 56 TC (Bắt buộc: 41 TC; Tự chọn: 15 TC), chiếm 46.7% số TC CTĐT													

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
28	FB3006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	0	3	0	45	0	90		25		IV
29	FB3007	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		25, 28		V
30	FB3008	Thị trường chứng khoán	3	3	0	3	0	45	0	90		15, 26		V
31	FB3009	Kế toán Tài chính	4	4	0	4	0	60	0	120		25		V
32	FB3010	Thanh toán quốc tế	3	2	1	3	0	30	30	90				V
33	FB3011	Anh văn chuyên ngành I	3	3	0	3	0	45	0	90		8, 9		V
34	FB3012	Anh văn chuyên ngành II	4	4	0	4	0	60	0	120		33		VI
35	FB3013	Nghiệp vụ NHTM	3	2	1	3	0	30	30	90		26		VI
36	FB3014	Tin học ứng dụng trong ngành TC	3	2	1	3	0	30	30	90		28, 29		VI
37	FB3015	Thị trường tài chính phái sinh	3	3	0	3	0	45	0	90		28, 29, 30		VII
38	FB3016	Kế toán ngân hàng TM	3	3	0	3	0	45	0	90		25, 29		V
39	FB3017	Quản trị NHTM	3	3	0	3	0	45	0	90		35		VII
40	FB3018	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3	0	3	0	45	0	90		25		V
41	FB2019	Thiết lập & Đầu tư dự án	3	3	0	0	3	45	0	90		14, 15, 26		VII
42	FB3020	Tài chính quốc tế	3	3	0	0	3	45	0	90		14, 15		VII
43	FB3021	Định giá doanh nghiệp	3	3	0	0	3	45	0	90				VII
44	FB3022	Đầu tư tài chính	3	3	0	0	3	45	0	90		16, 28, 29, 30		VII
45	FB3023	Thẩm định tín dụng	3	3	0	0	3	45	0	90		35, 40		VII
46	FB3024	Kinh doanh ngoại hối	3	3	0	0	3	45	0	90		25, 26,		VII

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
												28, 35		
47	FB3025	Ngân hàng số (Digital Banking)	3	3	0	0	3	45	0	90		7, 36		VII
48	FB3026	Marketing ngân hàng	3	3	0	0	3	45	0	90		18		VII
49	FB3027	Quản trị rủi ro trong ngân hàng	3	3	0	0	3	45	0	90		25, 26, 35		VII
IV	Khôi kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa Luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 8 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 4 TC), chiếm 6.6% số TC CTĐT													
50	FB3028	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	4	0	120	0	120				VIII
51	FB3029	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4	0	4	120	0	120				VIII
<i>Các học phần thay thế khóa Luận tốt nghiệp</i>														
52	FB3030	Tín dụng ngân hàng	2	2	0	0	2	30	0	60				VIII
53	FB3031	Quản trị TS Nợ TS Có	2	2	0	0	2	30	0	60				VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 123 TC (Bắt buộc: 111 TC; Tự chọn: 12 TC)														

8. Hướng dẫn thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	60	0
2	05068	Triết học Mác Lênin	3	3	0	3	0	45	0
3	GE1017	Anh văn 1	3	3	0	3	0	45	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
4	GE1022	Toán C	3	3	0	3	0	45	0
5	FB2002	Kinh tế vi mô	3	3	0	3	0	45	0
6	FB2001	Nhập môn ngành TCNH	1	1	0	1	0	15	0
7	02309	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh	5*	5	0	5	0	75	0
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	05069	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2	2	0	2	0	30	0
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0
3	FB2003	Kinh tế vĩ mô	3	3	0	3	0	45	0
4	GE1018	Anh văn 2	3	3	0	3	0	45	0
5	FB1002	Xác suất thống kê	2	1	1	2	0	15	30
6	FB2010	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	0	45	0
7	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	3*	0	1	2	15	60
8	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*	0	90	0
Học kỳ III: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)									
1	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0
2	05071	Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	2	2	0	2	0	30	0
3	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
4	BA2003	Quản trị học	3	3	0	3	0	45	0
5	FB2005	Luật Kinh tế	3	3	0	3	0	45	0
6	FB2006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	0	3	0	3	45	0

GIÁO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
7	04808	Tư duy biện luận	3	0	3	0	3	45	0
Học kỳ IV: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	FB2012	Thuế	3	3	0	3	0	45	0
2	FB2004	Kinh tế lượng	3	3	0	3	0	45	0
3	FB2007	Marketing Căn bản	3	3	0	3	0	45	0
4	FB2011	Lý thuyết tài chính. tiền tệ	3	3	0	3	0	45	0
5	FB3006	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	0	3	0	45	0
6	FB2009	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	1	1	2	0	15	30
Học kỳ V: 19 TC (Bắt buộc: 19 TC; Tự chọn: 0 TC)									
1	FB3008	Thị trường chứng khoán	3	3	0	3	0	45	0
2	FB3009	Kế toán tài chính	4	4	0	4	0	60	0
3	FB3011	Anh văn chuyên ngành 1	3	3	0	3	0	45	0
4	FB3010	Thanh toán quốc tế	3	3	0	3	0	45	0
5	FB3007	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3	0	3	0	45	0
6	FB3018	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3	0	3	0	45	0
Học kỳ VI: 19 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 6 TC)									
1	FB3012	Anh văn chuyên ngành 2	4	4	0	4	0	60	0
2	FB3013	Nghiệp vụ NHTM	3	2	1	3	0	30	30
3	FB3014	Tin học ứng dụng trong ngành TC	3	2	1	3	0	30	30
4	FB3016	Kế toán Ngân hàng TM	3	3	0	3	0	45	0

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
6	FB3020	Tài chính quốc tế	3	3	0	0	3	45	0
7	FB3022	Đầu tư tài chính	3	3	0	0	3	45	0
8	FB3021	Định giá doanh nghiệp	3	3	0	0	3	45	0
Học kỳ VII: 15 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 9 TC)									
1	FB3017	Quản trị ngân hàng TM	3	3	0	3	0	45	0
2	FB3015	Thị trường tài chính phái sinh	3	3	0	3	0	45	0
3	FB3023	Thẩm định tín dụng	3	3	0	0	3	45	0
4	FB3019	Thiết lập & Đầu tư dự án	3	3	0	0	3	45	0
5	FB3024	Kinh doanh ngoại hối	3	3	0	0	3	45	0
6	FB3026	Marketing ngân hàng	3	3	0	0	3	45	0
7	FB3027	Quản trị rủi ro trong ngân hàng	3	3	0	0	3	45	0
8	FB3025	Ngân hàng số (Digital banking)	3	3	0	0	3	45	0
Học kỳ VIII: 8 TC (Bắt buộc: 4 TC; Tự chọn: 4 TC)									
1	FB3028	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	4	0	0	120
2	FB3029	Khóa luận tốt nghiệp	4	0	4	0	4	0	120
3	FB3030	Tín dụng ngân hàng	2	2	0	0	2	30	0
4	FB3031	Quản trị TS Nợ, TS Có	2	2	0	0	2	30	0

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

9.1 Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Trình bày những nét khái quát nhất về triết học Mac-Lê Nin và vai trò của Triết học Mác Lê Nin trong đời sống xã hội. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Những nội dung cơ bản chủ nghĩa duy vật lịch sử....

9.2 Kinh tế chính trị Mác Lê Nin

Trình bày đối tượng phương Pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê Nin, hàng hóa thị trường và vai trò các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị gia tăng thặng dư trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

9.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Xã hội khoa học.

9.4 Lịch Sử Đảng cộng Sản Việt Nam

Học phân tập trung vào làm rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành nước, đất, chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đường lối công nghiệp hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại của Đảng. Người học cần xác định các kiến thức về đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phân cung cấp các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết, về xây dựng một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam và về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới... cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn chỉ đạo cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng XHCN Việt Nam của Hồ Chí Minh. Người học cần xác định các kiến thức về cộng sản chủ nghĩa, đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

9.6 Pháp luật đại cương

Trang bị cho học viên kiến thức về nguồn gốc, bản chất của nhà nước và pháp luật. Giới thiệu những khái niệm cơ bản về pháp luật. Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, tập trung vào một số ngành luật thông dụng giúp sinh viên ứng xử, chấp hành tốt

các chính sách của Nhà nước cũng như các quy định pháp luật, đảm bảo kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân.

9.7 Tin học đại cương

Môn học bao gồm 3 phần: Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Office Word; Làm việc trên bảng tính với phần mềm Microsoft Office Excel và Giới thiệu hệ thống Email Hiu.edu.vn và bộ Office 365. Phần Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Office Word đề cập đến các thao tác cơ bản để tạo ra một văn bản, soạn thảo và trình bày văn bản. Đưa ra các phiên bản và sự khác nhau giữa các phiên bản word hiện tại. Phần làm việc với bảng tính Microsoft Office Excel chúng tôi đề cập đến các thao tác tạo lập bảng tính, cách sử dụng một số hàm tính toán thông dụng (các hàm mặc nhiên có sẵn trong Excel) còn các hàm bổ sung (các hàm phải Add-Ins) sẽ không được trình bày do không phù hợp với đối tượng sinh viên chung trong toàn trường.

Phần Giới thiệu hệ thống Email của nhà trường chúng tôi sẽ giới thiệu đến sinh viên hệ thống email và các ứng dụng hữu ích của hệ thống mail Hiu. Giới thiệu xu hướng làm việc Online và các chức năng làm việc Online của office 365.

9.8 Toán C

Môn toán cao cấp C có các kiến thức về cơ bản gồm: giới hạn, sự liên tục, đạo hàm, vi phân, của hàm nhiều biến số, phương trình vi phân, ma trận, hệ phương trình, ánh xạ tuyến tính và không gian vecto. Qua đó, người học được rèn luyện tư duy toán học, kỹ năng giải các bài tập vận dụng những kiến thức trên, rèn luyện khả năng suy luận, chứng minh, tính toán trong môn học nói riêng và trong giao tiếp, làm việc nói chung, hình thành thái độ, đức tính trung thực, học tập chăm chỉ, nghiêm túc và sáng tạo. Nó giúp giải quyết các vấn đề về toán học trong mối tương quan giữa các đối tượng xuất hiện trong nội bộ của các ngành khác đó. Ví dụ như trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường được mô tả bằng một hệ phương trình tuyến tính; còn bài toán tìm phương án tối ưu ta thấy trong quá trình mô hình hóa và giải bài toán hầu như sử dụng tất cả các khái niệm được nêu trong môn .

9.9 Anh văn I

Học phần này cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản tiếng anh trong chuyên ngành điều dưỡng, đồng thời cung cấp các cấu trúc văn phạm và các kỹ năng đọc hiểu cần

thiết để đọc các tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Học phần này sẽ hỗ trợ sinh viên điều dưỡng nâng cao kỹ năng nói qua các bài hội thoại, các bài tập ngữ pháp giúp sinh viên nắm chắc các cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng anh chuyên ngành và có kỹ năng giao tiếp trong các tình huống. Sinh viên có thể áp dụng tiếng anh chuyên ngành trong quá trình thăm khám, nhận định, chẩn đoán và đưa ra kế hoạch chăm sóc cho người bệnh trong các tình huống thường gặp

9.10 Anh Văn II

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe- nói- đọc- viết cùng với các điểm ngữ pháp. Sau mỗi đơn vị bài học về kỹ năng tích hợp sẽ có 1 bài ôn luyện và trau dồi kỹ năng, nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng làm bài, chuẩn bị tốt cho bài thi. Các kỹ năng làm bài bám sát định dạng đề thi bao gồm Nghe / Đọc chọn các câu đúng sai/không đề cập trong bài, bài tập đa lựa chọn; Điền khuyết (Ngữ pháp); Thảo luận dựa vào tranh ảnh; Đóng vai theo tình huống (Nói); ghép nhiều lựa chọn (Đọc); Viết theo chủ đề. Người học cần ứng dụng các kiến thức anh văn cơ bản về giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh gia đình và cộng đồng

9.11 Giáo dục thể chất (*)

Học phần này nhằm trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Sau khi học xong học phần này, sinh viên cần biết áp dụng các Kiến thức rèn luyện thân thể để nâng cao sức khỏe của bản thân và cộng đồng...

9.12 Lý thuyết Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)

Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Người học cần xác định được các kiến thức về đường lối cách mạng,

đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam..

9.13 Thực hành Giáo dục Quốc Phòng An Ninh (*)

Học phần này hướng dẫn người học thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường. Người học có thể áp dụng các kiến thức này trong rèn luyện thân thể cũng như bảo vệ quốc gia

9.14 Kinh tế vi mô

Nắm được nội dung cơ bản của Kinh Tế học vi mô – một bộ phận của kinh tế học cụ thể:

Nắm được lý thuyết lựa chọn của kinh tế, ảnh hưởng của quy luật khan hiếm và mô hình kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế.

Nắm được lý thuyết cung cầu.

Nắm được lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng.

Nắm được lý thuyết về hành vi của người sản xuất.

Nắm được lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền.

Nắm được lý thuyết về thị trường yếu tố sản xuất.

Nắm được lý thuyết về vai trò của chính phủ.

Nắm được sự phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến sự cân bằng của thị trường.

9.15 Kinh tế vĩ mô

Nắm được nội dung cơ bản của môn Kinh tế học vĩ mô – một bộ phận của kinh tế học. Cụ thể:

Nắm được lý thuyết lựa chọn kinh tế, ảnh hưởng của quy luật khan hiếm và mô hình kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế.

Nắm được những vấn đề chung về kinh tế học vĩ mô.

Nắm được lý thuyết về tổng sản phẩm quốc dân và thu nhập quốc dân.

Nắm được lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa.

Nắm được lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ.

Nắm được lý thuyết về tổng cung và chu kỳ kinh doanh.

Nắm được lý thuyết về lạm phát và thết nghiệp.

Nắm được lý thuyết về kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.

9.16 Kinh tế lượng

Sinh viên nắm phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội

Sinh viên hoạch định các chính sách chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

9.17 Xác suất thống kê

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về: Giải tích, tổ hợp, các định nghĩa về xác suất, các định lý cơ bản của xác suất, biến ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng và 1 số quy luật phân phối xác suất thông dụng (quy luật phân phối chuẩn).

Các dạng mẫu và tham số đặc trưng; kỳ vọng mẫu, phương sai mẫu, độ lệch mẫu, tần suất mẫu. Bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết thống kê và bài toán tương quan hồi quy.

Ở mỗi nội dung sinh viên cần biết cách tính, phương pháp giải và ứng dụng vào giải quyết các bài toán thực tế trong đời sống kinh tế, xã hội.

9.18 Marketing căn bản

Cung cấp kiến thức nền tảng của lý thuyết marketing cho sinh viên. Trang bị cho người học những kiến thức hoạt động Marketing trong hoạt động của các doanh nghiệp.

Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về marketing, môi trường marketing (vĩ mô, vi mô), hành vi khách hàng tiêu dùng, phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu, các loại sản phẩm, chiến lược sản phẩm (bao bì, nhãn hàng), chu kỳ sống của sản phẩm, định giá sản phẩm theo chi phí, người mua, đối thủ cạnh tranh, chiến lược phân phối, chiến lược chiêu thị. Phương pháp nghiên cứu: Nắm lí thuyết, làm bài tập thực hành; Học phần hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu.

9.19 Quản trị học

Cung cấp sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản về quản trị học, là cơ sở tham gia sâu hơn cho các môn quản trị trong lĩnh vực chuyên ngành Tài Chính Ngân Hàng sau này. Cụ

thể:

Hiểu được quản trị là gì? Nhà quản trị là ai? Các vấn đề liên quan quản trị trong doanh nghiệp;

Các mô hình quản trị;

Nguyên tắc, chính sách quản trị;

Đánh giá rủi ro trong quản trị;

Vai trò Quản trị của doanh nghiệp trong xã hội;

Nắm được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp;

Nắm được các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, cơ chế kiểm soát quản trị cũng như kiểm tra.

9.20 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Nhằm cung cấp kiến thức và cho kỹ năng học tập và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế như: cách viết đại cương, hiểu rõ bản chất, các bước tiến hành nghiên cứu, hoàn thành và báo cáo kết quả nghiên cứu (chuyên đề thực tập hoặc luận văn tốt nghiệp)

9.21 Tư duy biện luận

Xác định, đánh giá và xây dựng các lập luận quy nạp và suy diễn trong các hình thức nói và viết; Nhận ra những nguy biện phổ biến trong lý luận hàng ngày; Phân biệt các loại và mục đích của định nghĩa; Phân biệt các chức năng của ngôn ngữ và khả năng diễn đạt và ảnh hưởng của ý nghĩa; Nhận ra và đánh giá các lập luận trong các diễn đàn lý luận khác nhau.

Phát triển thói quen đánh giá và bảo vệ tính hợp lý của niềm tin và giá trị của bạn và của những người khác; Đánh giá cao tầm quan trọng của việc xem xét một vấn đề từ nhiều quan điểm khác nhau và nhận ra sự phức tạp xung quanh hầu hết các vấn đề gây tranh cãi; Đánh giá cao giá trị của tư duy phê phán trong cả việc ra quyết định công khai và riêng tư.

9.22 Nhập môn ngành Tài chính Ngân hàng

Học phần này cũng cung cấp những kiến thức nền tảng cho sinh viên hiểu rõ các HP trong CTĐT để nhằm học tốt các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như: lý thuyết tài

chính tiền tệ, quản trị ngân hàng thương mại, nghiệp vụ ngân hàng, tài chính doanh nghiệp, phân tích đầu tư chứng khoán,...

Cho sinh viên hiểu được một cách tổng quát khái niệm về Tài chính, phân biệt được Tài chính Nhà nước và Tài chính DN, hiểu về lịch sử ngành NH và hệ thống các NH ở VN

9.23 Luật kinh tế

Nội dung của học phần gồm những vấn đề chung về kinh doanh và pháp luật điều chỉnh các hình thức tổ chức kinh doanh ở Việt Nam, về những vấn đề pháp lý cơ bản của các chủ thể kinh doanh, các đặc trưng pháp lý trong mô hình tổ chức, hoạt động của từng chủ thể kinh doanh. Phần hồ sơ pháp lý, quyền, nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh cũng như các vấn đề về giải thể, phá sản trong hoạt động kinh doanh cũng được đề cập trong học phần này. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các vấn đề về hợp đồng, luật các tổ chức tín dụng và Luật ngân hàng nhà nước.

9.24 Nguyên lý thống kê kinh tế

Học phần gồm 06 chương lý thuyết (30 tiết) nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thực hành thống kê để phục vụ cho quá trình nghiên cứu, quan sát thực nghiệm và là điều kiện tiên quyết cho các môn học kinh tế - xã hội khác.

Sinh viên sẽ thực hành việc trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị, tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng số. Qua việc ước lượng các tham số tổng thể, kiểm định giả thuyết về tham số tổng thể, sinh viên có thể áp dụng vào việc phân tích định lượng các vấn đề về kinh tế - xã hội

9.25 Nguyên lý kế toán

Học phần này giúp sinh viên: Hiểu được tổng quát về kế toán; hiểu rõ và biết cách lập chứng từ kế toán; hiểu rõ tài khoản và biết cách lập định khoản; hiểu được công tác kiểm kê; tính giá của các đối tượng kế toán;

Biết cách lập một số báo cáo tài chính cơ bản; hạch toán tổng hợp, hạch toán chi tiết nghiệp vụ sau: nghiệp vụ tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, tính kết quả tiêu thụ; hiểu rõ các hình thức ghi sổ và kỹ thuật ghi sổ, sửa chữa sai sót trên sổ.

9.26 Lý thuyết tài chính tiền tệ

Qua học phần, sinh viên hiểu và nhận thức những kiến thức lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành tài chính – ngân hàng.

Nội dung học phần bao gồm: Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; lý luận cơ bản về tiền tệ; khái quát những nội dung cơ bản các khâu trong hệ thống tài chính: tài chính công, tài chính doanh nghiệp, các định chế tài chính trung gian, tín dụng - lãi suất, tài chính quốc tế và hoạt động thị trường tài chính.

9.27 Thuế

Thuế Giới thiệu tổng quan về hệ thống thuế Việt Nam hiện hành: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, vai trò của thuế, hệ thống các sắc thuế đang áp dụng;

Sinh viên nắm được những quy định cơ bản của từng sắc thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu nhập khẩu

9.28 Tài chính doanh nghiệp phần 1.

Môn học tài chính doanh nghiệp Phần 1, là một phần của môn học Quản trị tài chính nghiên cứu tất cả các mối quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên những nguyên lý cơ bản của tài chính.

Nội dung của các chương trong môn học này sẽ xoay quanh lý thuyết tương quan giữa rủi ro và lợi nhuận và ba loại quyết định tài chính mà một nhà quản trị tài chính phải đưa ra trong quá trình quản trị tài chính của doanh nghiệp: Quyết định đầu tư, Quyết định tài trợ, và Quyết định quản lý tài sản.

Sinh viên nắm và hiểu các quyết định quản trị tài chính, các quyết định đầu tư vào các tài sản ngắn hạn và các quyết định tìm kiếm nguồn tài trợ vốn ngắn hạn, cụ thể: Môi trường kinh doanh, thuế và tài chính; Phân tích báo cáo tài chính; Dự toán tài chính; Tác động của đòn bẩy lên rủi ro và lợi nhuận; Quản trị tài sản lưu động; Nguồn tài trợ vốn ngắn hạn.

9.29 Tài chính doanh nghiệp phần 2.

Môn học tài chính doanh nghiệp Phần 2, là một phần của môn học Quản trị tài chính.

Trong phần này nghiên cứu giá trị thời gian của tiền tệ, xây dựng và đánh giá dòng tiền của dự án đầu tư của doanh nghiệp.

Nội dung của các chương trong môn học này sẽ xoay quanh lý thuyết về thời giá của tiền tệ; đánh giá rủi ro và lợi nhuận của dự án đầu tư; định giá các loại chứng khoán: trái phiếu, cổ phiếu; hoạch định dòng tiền của dự án đầu tư; chi phí sử dụng vốn; đòn bẩy tài chính và cấu trúc vốn; chính sách cổ tức.

Trong Phần 1 của môn học này tập trung vào quản trị, đầu tư vào các tài sản ngắn hạn và nguồn tài trợ vốn ngắn hạn, cụ thể: Môi trường kinh doanh, thuế và tài chính; Phân tích báo cáo tài chính; Dự toán tài chính; Tác động của đòn bẩy lên rủi ro và lợi nhuận; Quản trị tài sản lưu động; Nguồn tài trợ vốn ngắn hạn.

Sinh viên hiểu và đánh giá hiệu quả đầu tư của một dự án thông qua các dòng tiền phát sinh từ dự án trong tương lai.

9.30 Thị trường chứng khoán

Môn học tập trung những lý thuyết cơ bản về thị trường chứng khoán, bao gồm:

Mô hình các chủ thể tham gia trên thị trường chứng khoán.

Các qui định của Ủy ban chứng khoán nhà nước được áp dụng cho thị trường chứng khoán, bao gồm:

Vai trò, chức năng, và nhiệm vụ của các từng các cơ quan trực thuộc tham gia quản lý, kiểm soát thị trường chứng khoán.

Sinh viên hiểu được các qui định về giao dịch chứng khoán.

Môn học này còn giúp sinh viên có thể tiếp cận được môi trường hoạt động của thị trường chứng khoán, và sinh viên có thể dễ dàng tham gia vào thị trường chứng khoán sau khi hoàn tất môn học này.

9.31 Kế toán tài chính

Cung cấp các kiến thức cơ bản để sinh viên hạch toán các nghiệp vụ Kế Toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả; Kế Toán các yếu tố của quá trình sản xuất gồm: Tài sản cố định, nguyên vật liệu, tiền lương; Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

9.32 Thanh toán quốc tế

Thanh toán quốc tế Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái, hoán đổi tỷ giá,

Sinh viên nắm được các phương thức giao dịch thanh toán quốc tế như Thư tín dụng (L/C), Phương thức nhờ thu..., các phương thức thanh toán liên quan đến các bộ chứng từ ngoại thương.

9.33 Anh văn chuyên ngành 1

Học phần Anh Văn chuyên ngành Tài Chính nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát bằng tiếng Anh về nghiệp vụ Tài Chính, các loại báo cáo tài chính quan trọng.

9.34 Anh văn chuyên ngành 2

Học phần Anh văn chuyên ngành Tài Chính Ngân Hàng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát bằng tiếng Anh về Thuật ngữ nghiệp vụ tài chính, các loại báo cáo tài chính quan trọng.

9.35 Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Môn học nhằm trang bị những kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngân hàng thương mại và các hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng thương mại:

Sinh viên nắm được nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng,

Sinh viên hiểu các dịch vụ tài chính và các nghiệp vụ sinh lời khác của ngân hàng thương mại...

9.36 Tin học ứng dụng trong ngành tài chính

Giới thiệu về lập mô hình tài chính

Sinh viên nắm mô hình điểm hòa vốn (bao gồm phân tích hòa vốn và đòn cân định phí)

Mô hình tối ưu hóa (bao gồm mô hình tối ưu hóa tuyến tính và tối ưu hóa phi tuyến)

Các mô hình khấu hao

Sinh viên hiểu và tính giá trị tiền tệ theo thời gian (bao gồm giá trị tiền tệ theo thời gian, xác định lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực, các chỉ tiêu thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư NPV, IRR, DPP)

Sinh viên có thể lượng giá chứng khoán và chi phí sử dụng vốn

Sinh viên xây dựng mô hình danh mục đầu tư chứng khoán (bao gồm danh mục đầu tư chứng khoán hiệu quả). Trái phiếu và Duration.

9.37 Thị trường tài chính phái sinh

Nắm vững các khái niệm về rủi ro trong quản trị tài chính; giới thiệu hoạt động rủi ro trên thị trường các công cụ tài chính phái sinh,

Nắm các công cụ trên thị trường TCPS cụ thể là hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai...; trình bày ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để đầu tư cho các tài sản tài chính như lãi suất, tỷ giá và chứng khoán,

Thiết lập các chiến lược bảo hiểm rủi ro do biến động về giá trên thị trường tài chính.

9.38 Kế toán ngân hàng thương mại

Sinh viên nắm các nguyên tắc của kế toán nghiệp vụ tiền mặt: thu chi tiền mặt, xử lý thừa, thiếu tiền mặt tại ngân hàng thương mại.

Sinh viên hiểu các nghiệp vụ để ghi nhận hoạt động huy động vốn của ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng, nắm được cách xử lý các rủi ro trong hoạt động tín dụng

Sinh viên nắm rõ và thực hành kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng (nội dung, quy trình của từng thể thức thanh toán, đồng thời đề cập đến quy trình xử lý và phương pháp sửa các lỗi trong thanh toán

9.39 Quản trị ngân hàng

QT NHTM là một trong những môn học chủ chốt của chuyên ngành Ngân hàng, được giảng dạy tiếp sau môn Nghiệp vụ NHTM.

Sinh viên nắm các kiến thức cơ bản về quản trị tài sản nợ, tài sản có

Sinh viên hiểu và xử lý các rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng như Rủi ro tín dụng rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động...

9.40 Phân tích Báo cáo tài chính.

Môn học tập trung những lý thuyết về phương pháp phân tích tổng quan về tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các bảng báo cáo tài chính, cụ thể: Bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo thu nhập, bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và thuyết minh báo cáo tài chính.

Sinh viên có thể phân tích chi tiết tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các thông số tài chính: Hệ số thanh khoản, hệ số đòn bẩy tài chính, hệ số sinh lợi.

Sau khi thực hiện phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, sinh viên có thể đánh giá, nhận xét, và đưa ra những nhận định về tình hình tài chính của doanh nghiệp, cũng như các giải pháp khắc phục những yếu kém về tài chính của doanh nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên còn được học các phương pháp dự báo tình hình tài chính doanh nghiệp trong tương lai.

9.41 Thiết lập và đầu tư dự án

Hiểu rõ bản chất khoa học, mục tiêu đầu tư và thẩm định dự án.

Người học hiểu và lựa chọn, xử lý dữ liệu và lập được các bảng biểu chi tiết cho khung phân tích hiệu quả tài chính của dự án.

Lập các báo cáo tài chính dự toán (Pro-forma financial statement): báo cáo thu nhập; bảng cân đối kế toán.

Lập báo cáo ngân lưu dự án theo 02 quan điểm: Chủ đầu tư và Tổng đầu tư (còn gọi là quan điểm ngân hàng).

Sử dụng kỹ thuật chiết khấu dòng tiền và các tiêu chí đánh giá dự án. Đưa lạm phát vào dòng ngân lưu, tính toán giá trị danh nghĩa và giá trị thực.

Nắm chi phí sử dụng vốn (suất chiết khấu của dự án).

Ứng dụng phân tích cơ bản trong đầu tư chứng khoán.

9.42 Tài chính quốc tế

Sinh viên nắm được môi trường tài chính quốc tế – cơ sở vận động của các dòng lưu chuyển tài chính quốc tế: thị trường ngoại hối, hệ thống tiền tệ quốc tế và cán cân thanh toán;

Sinh viên hiểu được sự biến động của tỷ giá hối đoái và tác động của nó tới các dòng lưu chuyển tài chính quốc tế và thông qua đó tới nền kinh tế các quốc gia;

Sinh viên hiểu các yếu tố tác động đến tỷ giá và các lý thuyết hiện đại về tỷ giá. Các chính sách kinh tế mà các chính phủ có thể áp dụng để tác động đến các dòng lưu chuyển tài chính quốc tế;

9.43 Định giá doanh nghiệp

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và chuyên sâu về định giá doanh nghiệp và công tác định giá doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, từ

đó người có được cơ sở lý luận, phương pháp và cách thức thực hiện việc xác định giá trị DN cho các mục đích khác nhau trong thực tiễn,

Người học xác định các vấn đề tài chính liên quan trong định giá DN, quy trình báo cáo và chứng thư trong định giá doanh nghiệp

9.44 Đầu tư tài chính.

Môn học tập trung những lý thuyết cơ bản tổng quát về thị trường chứng khoán Việt Nam và phương pháp phân tích các chiến lược đầu tư, định giá doanh nghiệp theo những phương pháp so sánh tương đối và phương pháp giá trị.

Sinh viên hiểu và phân biệt được các phương pháp phân tích cơ bản và phương pháp phân tích kỹ thuật trong đầu tư chứng khoán.

Sinh viên đánh giá được năng lực tài chính, năng lực kinh doanh của doanh nghiệp thông qua các tỷ số tài chính.

Thực hành định giá giá trị doanh nghiệp đang được niêm yết trên sàn chứng khoán bằng những phương pháp so sánh tương đối và phương pháp giá trị.

Sinh viên có thể ra quyết định đầu tư.

9.45 Thẩm định tín dụng

Nắm các quy định khi quyết định giải ngân cho khách hàng (cá nhân hoặc doanh nghiệp) vay tiền, số tiền mà ngân hàng chi ra cho khách hàng vay là chắc chắn diễn ra trong hiện tại, còn việc thu hồi nợ gốc và tiền lãi thì lại diễn ra trong tương lai không chắc chắn, do tương lai luôn hàm chứa những yếu tố rủi ro không chắc chắn. Nếu khách hàng không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc và tiền lãi thì sẽ gây ra rủi ro làm phát sinh nợ xấu cho ngân hàng, chính vì lý do đó mà ngân hàng cần phải thẩm định tín dụng thật kỹ lưỡng ở nhiều phương diện khác nhau trước khi quyết định chi tiền ra cho khách hàng vay.

Nắm và sử dụng thành thạo các công cụ, phương tiện để thẩm định khách hàng vay vốn và phương án vay vốn của khách hàng ở nhiều phương diện khác nhau tỉ như: (phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, phân tích hiệu quả dự án đầu tư, phân tích mức độ rủi ro khi cho vay, phân tích năng lực tài chính và khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng ...), sao cho ngân hàng tránh bị gặp phải hai loại sai lầm: (i) Từ chối cho một khách hàng tốt vay vốn & (ii) nhưng lại đồng ý cho một khách hàng không

tốt vay vốn.

9.46 Kinh doanh ngoại hối

Cung cấp cho sinh viên:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ ngoại hối, thực hiện kinh doanh khi có sự không đồng nhất giữa các ngân hàng và sử dụng các hợp đồng phái sinh nhằm bảo hiểm rủi ro tỷ giá.

Sinh viên nắm cách tính tỷ giá giữa các đồng tiền. Biết cách áp dụng các trường hợp cụ thể vào các công cụ phái sinh nhằm bảo hiểm rủi ro tỷ giá.

Thái độ, chuyên cần: Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay. Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp.

9.47 Ngân hàng số (Digital Banking)

Học phần này cung cấp các kiến thức cho người học hiểu được các khái niệm cơ bản của ngân hàng số như: Dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (block chain), vạn vật kết nối, các chiến lược NH số.

Cho người học thấy sự cần thiết phải số hóa các hoạt động của NH.

Người học hiểu được các công nghệ số mà NH đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai. Thực tế áp dụng công nghệ số tại các NHTM Việt Nam

9.48 Marketing ngân hàng

Người học nắm được các khái niệm cơ bản của marketing dịch vụ, đặc điểm của sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng.

Người học nắm được nội dung của các quá trình: quá trình tiêu dùng dịch vụ tài chính ngân hàng của khách hàng; quá trình thiết kế, định giá, phân phối, xúc tiến – truyền thông sản phẩm của ngân hàng...

Người học nắm được khái niệm, đặc điểm, vai trò, cách sử dụng các công cụ marketing trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Người học hiểu được việc sử dụng các công cụ marketing trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

9.49 Quản trị rủi ro trong ngành ngân hàng

Sinh viên nắm các bước trong quy trình quản trị rủi ro từ nhận dạng do lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiết hại xảy ra.

Sinh viên hiểu các kỹ thuật phân tích và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này.

9.50 Thực tập tốt nghiệp

HP thực hành, SV đi đến các NHTM, công ty chứng khoán, công ty Bảo hiểm.... để thực hành các phần lý thuyết đã học ở trường. Trong thời gian thực tập, SV sẽ tích lũy các kiến thức thực tế về một mảng nghiệp vụ chuyên sâu và sẽ thể hiện kiến thức thu thập được trong thời gian này bằng 1 Báo cáo thực tập tốt nghiệp vào cuối kỳ thực tập dưới sự hướng dẫn của 1 GV được BM phân công.

9.51 Khóa luận tốt nghiệp

Đúc kết kiến thức trong toàn khóa học và các kiến thức khi đi thực tập tốt nghiệp. SV chọn 1 chủ đề trong các nghiệp vụ phát sinh của NHTM, công ty chứng khoán, công ty kiểm toán... để phân tích biến động trong thời gian ít nhất 3 năm và có những nhận xét, giải pháp, kiến nghị để nghiệp vụ này thực hiện hiệu quả hơn, phát triển hơn ở đơn vị. SV sẽ bảo vệ khóa luận trước HĐ bảo vệ khóa luận của Khoa.

9.52 Tín dụng ngân hàng

Sinh viên ngành Tài Chính Ngân Hàng sẽ được lĩnh hội nền tảng kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tế trong nghiệp vụ tín dụng ngân hàng;

Cung cấp sinh viên các kỹ năng thực hành trong hoạt động tín dụng cũng như các hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về nhu cầu vay vốn; quy trình và nội dung tổ chức cấp tín dụng cho các phân khúc khách hàng phù hợp với mục tiêu chính sách và nguồn lực của ngân hàng thương mại; quy trình cấp vốn cho các dự án đầu tư.

9.53 Quản trị Tài Sản Có Tài Sản Nợ

Sinh viên sẽ được trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng quản trị tài sản nợ và tài sản có trong ngành ngân hàng cụ thể sinh viên sẽ được tìm hiểu những nội dung sau:

Đặc điểm về vốn chủ sở hữu.

Khái niệm tài sản nợ tài sản có

Các đặc điểm của tài sản nợ và tài sản có

Nghiên cứu phương pháp và mô hình tài sản nợ tài sản có

Sinh viên nắm các phương pháp quản trị tài sản phù hợp trong ngành ngân hàng

Tìm hiểu phương pháp quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngành ngân hàng

Sinh viên hiểu các chỉ số định giá hiệu quả hoạt động kinh doanh trong ngành ngân hàng.

